

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 9 - 2022

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Trường An

Ông Hồ Quang Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 455/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1973 (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C6, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C6, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn từ năm 1992, có tổ chức đám cưới và chứng kiến của họ hàng hai bên nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhiều năm qua vợ chồng bà không còn hợp nhau trong cuộc sống gia đình, thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm và cuộc sống không còn hạnh phúc dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân nhiều năm nay nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung: Nguyễn Chí H, sinh năm 1993 (Đã kết hôn, có gia đình riêng) và Nguyễn Thị Như Y1, sinh năm 2003. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, bà Nguyễn Thị Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 02/6/2022 do bà đi làm ăn xa điều kiện đi lại khó khăn nên bà yêu Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và xét xử nhưng ông T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản phản hồi ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T, hiện đang cư trú tại địa chỉ ấp C6, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q thì xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn T tổ chức đám cưới, chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét nguyên nhân yêu cầu ly hôn bà Q trình bày là cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm và cuộc sống không còn hạnh phúc dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài trong khi đó ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án giao Thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có văn bản ý kiến phản hồi, điều đó cho thấy ông T không có thiện chí để hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, trường hợp bà Q và ông T tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà Q. Hơn nữa, hôn nhân của ông bà có vi phạm về hình thức, không đăng ký kết hôn nên Tòa án không công nhận là vợ chồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung: Nguyễn Chí H, sinh năm 1993 (Đã kết hôn, có gia đình riêng) và Nguyễn Thị Như Y1, sinh năm 2003. Hiện con chung của bà Q và ông T đã thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Q xác định không có nên

không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Nguyễn Văn T thì vắng mặt và không có ý kiến gì về phần tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này, nếu có phát sinh tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu về phần tài sản, nợ chung thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 227, 228, 235, khoản 2 Điều 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung của bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn T đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết. Sau này, nếu có phát sinh tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu về phần tài sản, nợ chung thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng, đã qua bà Q có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005158 ngày 20/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Yến Phương